**Mẫu 8: Phân tích bài thơ “ Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan**

Ai đã từng một lần đi trên con đường xuyên Việt, hẳn đều biết đến đèo Ngang. Đây là một đèo khá dài và khá cao, nằm vắt ngang sườn núi cheo leo, hiểm trở của khúc cuối dãy Hoành Sơn, trước khi đâm ra biển. Hình ảnh đèo Ngang đã được đưa vào bài thơ “Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan, nhằm gửi gắm nhiều ý nghĩa sâu sắc.

Đèo Ngang là ranh giới tự nhiên giữa Hà Tĩnh và Quảng Bình. Thuở xưa, bao người vào kinh đô Huế để thi cử hay làm việc cho triều đình phong kiến đã đi qua đèo này rồi lâng lâng xúc cảm trước vẻ đẹp của nó mà làm thơ ca ngợi. Bà Huyện Thanh Quan nhân dịp từ Thăng Long vào Huế nhậm chức Cung trung giáo tập (dạy dỗ các cung nữ trong cung) đã sáng tác bài Qua đèo Ngang.

Đằng sau bức tranh phong cảnh thiên nhiên là tâm trạng của nữ sĩ: cô đơn, nhớ nhà và hoài niệm về một thời đại huy hoàng đã qua. Có thể coi đây là bài thơ hay nhất trong những bài thơ sáng tác về thắng cảnh này. Câu phá đề đơn giản chỉ là lời giới thiệu về thời điểm tác giả đặt chân đến đèo Ngang:

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà. Đó là lúc mặt trời đang lặn, phía tây chỉ còn chút nắng hắt những tia sáng yếu ớt lên nền trời đang sẫm dần. Thời điểm này rất dễ gợi buồn trong lòng người, nhất là đối với kẻ lữ thứ tha hương. Tuy vậy, trời vẫn còn đủ sáng để nhà thơ nhận ra thiên nhiên nơi đây đẹp như một bức tranh thủy mặc: “Cỏ cây chen đá, lá chen hoa”.

Có cái gì đó như linh hồn của tạo vật thấp thoáng sau từng chữ. Điệp từ chen, các vế đối: cây chen đá, lá chen hoa miêu tả sức sống mãnh liệt của một vùng rừng núi hoang vu. Cảnh đẹp thì có đẹp nhưng nhuốm màu buồn bã, quạnh hiu, thiếu hơi ấm con người. Những bông hoa rừng đây đó không đủ làm sáng, làm vui bức tranh núi non lúc ngày tàn, đêm xuống.

Trên bối cảnh thiên nhiên bao la ấy thấp thoáng bóng dáng con người và hơi hướng cuộc sống nhưng cũng chỉ ít ỏi, mờ nhạt, xa vời:

*“Lom khom dưới núi tiều vài chú,*

*Lác đác bên sông chợ mấy nhà.”*

Con mắt tinh tế của nhà thơ phát hiện ra nét đặc trưng của người và cảnh trước tiên nên bà đã dùng nghệ thuật đảo ngữ để nhấn mạnh đặc trưng ấy. Dáng vẻ lom khom của mấy chú tiều hái củi sườn non làm cho con người vốn đã nhỏ bé lại càng thêm nhỏ bé trước thiên nhiên cao rộng.

Cái chợ là nơi biểu hiện sức sống của một cộng đồng làng xã, lẽ ra tấp nập đông vui, nhưng ở đây nó chỉ là mấy túp lều xơ xác bên sông… Bao trùm lên cảnh vật là một nỗi buồn tê tái và nỗi buồn ấy thấm sâu vào lòng người:

*“Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,*

*Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.”*

Giữa không gian tĩnh lặng gần như tuyệt đối ấy bỗng vẳng lên tiếng chim quốc khắc khoải, tiếng chim đa đa não nuột. Đó là những âm thanh có thật mà cũng có thể là tiếng vọng từ tâm trạng chất chứa nỗi buồn thời cuộc của nhà thơ. Mượn bút pháp ước lệ và nghệ thuật chơi chữ (từ đồng âm khác nghĩa) để nói lên lòng mình trước cảnh, đó là tài hoa của nữ sĩ.

Tiếng chim kêu không làm cho cảnh vui lên thêm chút nào mà lại làm tăng phần quạnh quẽ, cô liêu. Phải chăng tiếng chim chính là tiếng lòng của kẻ đang mang nặng tâm trạng u buồn, hoài vọng, nhớ nước thương nhà?!

Hồn cảnh, hồn người như có nét tương đồng, cho dù về hình thức hoàn toàn tương phản. Cái bao la, vô tận của non nước tô đậm cái cô đơn, chơ vơ của con người và ngược lại. Vì vậy nên nỗi buồn càng lắng đọng:

*“Dừng chân đứng lại trời, non, nước,*

*Một mảnh tình riêng, ta với ta.”*

Quả là một nỗi buồn lớn lao, thấm thía, khó san sẻ, giãi bày. Nó như kết thành hình, thành khối, thành mảnh tình riêng khiến nhà thơ phải thốt lên chua xót: ta với ta. Chỉ có ta hiểu lòng ta mà thôi! Vì thế nên sự cô đơn càng tăng lên gấp bội.

Bài thơ “Qua Đèo Ngang” tuy ra đời cách đây đã hơn một thế kỉ nhưng giá trị của nó vẫn nguyên vẹn trước thử thách của thời gian. Bao người yêu thơ thuộc lòng bài thơ này và ca ngợi tài năng của tác giả. Thể thơ Đường luật kiểu cách, sang trọng vào tay nữ sĩ đã trở thành gần gũi, dễ hiểu với người đọc bởi ngôn ngữ giản dị, trong sáng và những hình ảnh dân dã quen thuộc.